

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/DS-PT

Ngày: 10-3-2025.

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung;

Các Thẩm phán:

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2025/TLPT-DS, ngày 09 tháng 01 năm 2025, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2024/DS-ST, ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2025/QĐ-PT, ngày 05/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 75/2025/QĐ-PT, ngày 26/02/2025, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Số D, Khóm D, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Kiều D, sinh năm 1981 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm D, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người kháng cáo: Bà Đặng Thị Kiều D là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

** Nguyên đơn Lê Thị T trình bày và yêu cầu Tòa án:*

Ngày 26/9/2018 Bà Lê Thị T có cho bà Đặng Thị Kiều D vay 500.000.000 đồng, có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng, tiền lãi thỏa thuận đóng hàng tháng, thời hạn vay là 06 tháng, số tiền trên bà D có đóng lãi được 02 lần thì ngưng, sau khi vay khoản 01 tháng thì bà D có trả được 100.000.000 đồng tiền vốn.

Đến ngày 09/02/2019 bà D tiếp tục vay thêm 150.000.000 đồng, tổng cộng bà D vay 02 lần của bà T với số tiền là 550.000.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả. Mặc dù bà T đã nhiều lần đến gặp bà D yêu cầu trả lại số tiền trên nhưng bà D hứa mà không trả cho đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu đòi với số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và thay đổi mức lãi suất từ 1,66%/tháng còn 1%/tháng. Đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Kiều D trả số tiền vốn là 500.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 09/9/2019 âm lịch (07/10/2019 dương lịch) cho đến ngày xét sơ thẩm 19/09/2024 là 59 tháng 12 ngày theo mức lãi suất 1%/tháng với số tiền lãi là 297.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 797.000.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Đặng Thị Kiều D là ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Ông Nguyễn Văn N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận vào ngày 26/9/2018 bà Đặng Thị Kiều D có vay của bà Lê Thị T số tiền 500.000.000 đồng, biên nhận do bà T cung cấp cho Tòa án là do bà D viết và ký tên. Hiện nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà D chưa thanh toán cho T số tiền vay này, hiện còn nợ bà T số tiền 500.000.000 đồng, chứ không phải vay số tiền 550.000.000 đồng như bà T trình bày.

Nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà D chưa có khả năng thanh toán cho bà T số tiền còn nợ là 500.000.000 đồng, bà D sẽ bán đất để thanh toán cho bà T, đồng thời không đồng ý đối với yêu cầu trả tiền lãi của bà T vì bà D cũng vay dùm cho người khác chứ không có sử dụng số tiền này.

Tại phiên tòa ngày 29/8/2024 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, theo quy định thì thời hiệu khởi kiện là 03 năm đối với tranh chấp hợp đồng và đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên do bà D có thừa nhận vào tháng 10/2023 bà T có đòi tiền nên thời hiệu được khôi phục, do bà D hỏi mượn tiền bà T nên không thể tính lãi suất. Do đó bà D chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền còn nợ là 500.000.000 đồng.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 97/2024/DS-ST, ngày 23/9/2024 đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 184; Điều 224; điểm b khoản 2 Điều

227 và khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 157; 288, 429; 466; 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T về việc yêu cầu bà Đặng Thị Kiều D trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

Buộc bị đơn bà Đặng Thị Kiều D trả cho nguyên đơn bà Lê Thị T số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 135.667.000 đồng. Tổng cộng là 635.667.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà Lê Thị T đối với yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị Kiều D trả số tiền là 161.333.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền lãi chậm thi hành án, tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 04/10/2024, bị đơn D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn T về yêu cầu tính lãi, vì theo biên nhận mượn tiền không tính lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn T không rút lại đơn khởi kiện, bị đơn D không rút lại đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên, phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự có mặt đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung kháng cáo:*

- Yêu cầu không tính lãi của bị đơn D không được nguyên đơn T đồng ý và yêu cầu này cũng không có căn cứ chấp nhận, vì: Bị đơn D thừa nhận không nhớ ngày nào trong tháng 6 năm 2022, nguyên đơn T có yêu cầu bị đơn D trả tiền

nhưng do không có tiền, nên bị đơn D chưa trả cho nguyên đơn T. Vì vậy, cấp sơ thẩm tính lãi từ ngày 15/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ pháp luật.

- Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tính lãi 1%/tháng là không đúng quy định về tính lãi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn D, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10% năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn D là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn D là hợp lệ, được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận và tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Bị đơn D có đơn yêu cầu xét xử phúc thẩm vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn D.

[2] Về nội dung kháng cáo:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn T về yêu cầu tính lãi, vì theo biên nhận mượn tiền không ghi lãi.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn T không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bị đơn D, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của bị đơn D thì thấy rằng:

Hồ sơ vụ án thể hiện: Bị đơn D thừa nhận ngày 26/9/2018 Â, bị đơn D mượn của nguyên đơn T số tiền 500.000.000 đồng không lãi. Bị đơn D thừa nhận: Không nhớ ngày nào trong tháng 6 năm 2022, nguyên đơn T có yêu cầu bị đơn D trả số tiền đã mượn là 500.000.000 đồng nhưng do không có tiền, nên bị đơn D chưa trả cho nguyên đơn T. Vì vậy, đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Cấp sơ thẩm buộc bị đơn D phải trả cho nguyên đơn T số tiền vốn 500.000.000 đồng là đúng theo thừa nhận của bị đơn D và đúng quy định của pháp luật.

Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về: “Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền” như sau:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Mặc dù, các bên không thỏa thuận về tiền lãi được ghi trong “Biên nhận” ngày 26/9/2018. Tuy nhiên, bị đơn D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 6 năm 2022. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm, buộc bị đơn D phải trả tiền lãi cho nguyên đơn T tính từ ngày 15/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ pháp luật như đã được viện dẫn nêu trên.

Vì vậy, kháng cáo của bị đơn D về yêu cầu không tính lãi, không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về: “Lãi suất” như sau:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Bị đơn D không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn T. Như vậy, được xem như các đương sự có tranh chấp về tiền lãi, Tòa án cấp sơ thẩm đã tính lãi suất, theo mức lãi suất 1%/tháng tương ứng 12%/năm, là không đúng quy định đã được viện dẫn nêu trên. Bị đơn D đã chứng minh được yêu cầu kháng cáo có căn cứ một phần.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn D, sửa án sơ thẩm về phần tiền lãi, cụ thể như sau:

Từ ngày 15/6/2022 đến ngày 19/9/2024 là 02 năm, 03 tháng, 04 ngày, số tiền vốn là 500.000.000 đồng, với mức lãi suất là 10%/năm, số tiền lãi được xác định là 113.055.000 đồng.

Như vậy, tiền vốn và lãi tổng cộng là: 500.000.000 đồng + 113.055.000 đồng = 613.055.000 đồng.

[3] *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Do cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về số tiền lãi bị đơn D phải trả cho nguyên đơn T. Vì vậy, phải sửa án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm cho phù hợp, cụ thể như sau:

- Bị đơn D phải chịu án phí sơ thẩm của số tiền 613.055.000 đồng là 28.522.000 đồng (đã được làm tròn số).

- Nguyên đơn T phải chịu đối với số tiền lãi không được chấp nhận. Cụ thể là: 297.000.000 đồng - 113.055.000 đồng = 183.945.000 đồng x 5% = 9.197.000 đồng (đã được làm tròn số).

Đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về việc chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn D, sửa bản án sơ thẩm về phần tiền lãi là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ đã được viện dẫn và phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] *Án phí dân sự phúc thẩm*: Do kháng cáo của bị đơn D được chấp nhận một phần. Vì vậy, bị đơn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Đặng Thị Kiều D.

I- Sửa một phần bản án sơ thẩm số 97/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 184; Điều 224; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 157; 288; 357; 429; 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T về việc yêu cầu bà Đặng Thị Kiều D trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*).

2- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

Buộc bị đơn bà Đặng Thị Kiều D trả cho nguyên đơn bà Lê Thị T số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 113.055.000 đồng (*một trăm mười ba triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*). Tổng cộng là 613.055.000 đồng (*sáu trăm mười ba triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị T thì hàng tháng bà Đặng Thị Kiều D còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

3- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị T, về việc buộc bị đơn Đặng Thị Kiều D phải trả số tiền lãi là 183.945.000 đồng (*một trăm tám mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

4- Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Đặng Thị Kiều D phải chịu 28.522.000 đồng (*hai mươi tám triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn đồng*).

- Nguyên đơn Lê Thị T phải chịu 9.197.000 đồng (*chín triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn đồng*). Nguyên đơn T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 23.398.000 đồng (*hai mươi ba triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005230 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng ngày 20/5/2024. Nguyên đơn T được nhận lại số tiền chênh lệch đã nộp là 23.398.000 đồng - 9.197.000 đồng = 14.201.000 đồng (*mười bốn triệu, hai trăm lẻ một nghìn đồng*).

II- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Đặng Thị Kiều D không phải chịu. Bị đơn D được nhận lại 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bị đơn D đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005329, ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung)./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung